

Bản án số: 104/2026/HS-PT

Ngày: 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 16/2026/HSPT ngày 08/01/2026 đối với bị cáo Trần Thị Ái N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 287/2025/HS-ST ngày 01/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Ái N, sinh ngày 27/3/1999 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi thường trú: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã U, tỉnh An Giang); chỗ ở: 1 T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Ngô Thị T; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Trung T1 và có 01 con sinh ngày 28/5/2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị T2, Luật sư của Công ty L – Chi nhánh C, An Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. (Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Bùi Thị Ngọc T3, Danh Duy P, Nguyễn Trung T1 và Lê Thị T4, Hội đồng xét xử thấy không liên quan đến việc xét kháng cáo của bị cáo nên không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ái N, Bùi Thị Ngọc T3 cùng 02 người khác hùn tiền thuê nhà số A T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 17/3/2025 đến nay. Nhi đứng tên hợp đồng thuê nhà, T3 hùn 3.750.000 đồng/tháng để trả tiền thuê nhà. Tại nhà thuê trên, T3 ở phòng số 1 lầu 1 cùng với Danh Duy P, N ở cùng con nhỏ (chưa đăng ký khai sinh) ở phòng số 2 lầu 1.

Nguyễn Trung T1 có mối quan hệ sống chung như vợ chồng với N và có con chung, hiện không còn ở chung với nhau.

Ngày 21/4/2025, P nói với N “Bữa nào anh T1 qua nhà thì mình tổ chức chơi một bữa” (nghĩa là tổ chức sử dụng ma túy). Đến khoảng 05 giờ ngày 25/4/2025, T1 qua nhà thăm con thì N nhắn tin rủ T3 sử dụng ma túy (do N và P không có liên hệ với nhau nên N nhắn tin cho T3). Lúc này, T3 có đưa tin nhắn cho P và P trả lời “Chơi thì chơi”.

Sau đó, N dùng tài khoản Zalo “Ái Nhi” nhắn tin qua Zalo của T3 tên “Khánh vy” hỏi chỗ mua ma túy, T3 liên hệ qua ứng dụng Messenger với tài khoản “Bánh Bèo” hỏi mua nửa hộp 5 ma túy Ketamine (khay) và 02 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) với giá 3.100.000 đồng, T3 đồng ý mua và đối tượng “Bánh Bèo” nhắn cho T3 số tài khoản 29254197 tên Lê Ngọc M mở tại Ngân hàng A để trả tiền mua ma túy. Sau đó, T3 nói N chuyển số tiền 3.100.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mà đối tượng “Bánh Bèo” đưa, nên N dùng tài khoản số 0911500366 của N mở tại Ngân hàng M1 chuyển tiền mua ma túy, rồi T3 đưa tiền mặt cho N 3.500.000 đồng (gồm P hùn 1.000.000 đồng mua ma túy, T3 hùn 500.000 đồng mua ma túy, T1 đưa cho T3 2.000.000 đồng gồm hùn 1.600.000 đồng mua ma túy và cho N 400.000 đồng để tiêu xài cá nhân).

Khoảng 05 giờ ngày 25/4/2024, Lê Thị T4 đang ở tại căn hộ D.15.02 chung cư W, thị trấn T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh có người tên “Bánh Bèo” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại 0899.679.659 gọi và nhắn tin SMS cho T4 đặt mua nửa hộp 5 ma túy khay và 02 viên thuốc lắc, T4 báo giá 2.500.000 đồng và “Bánh Bèo” đồng ý và gửi địa chỉ nhận ma túy tại số A T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh và số điện thoại người nhận hàng 0878504005. Sau đó, tài khoản tên Lê Ngọc M chuyển khoản cho T4 số tiền 2.500.000 đồng, rồi T4 dùng 01 hộp giấy hình chữ nhật bỏ áo quần vào bên trong và đặt túi nylon màu đen có chứa gói ma túy khay và 02 viên thuốc lắc, rồi bỏ vào 01 túi nylon màu hồng rồi bỏ tiếp vào 01 túi nylon màu đỏ có quai xách rồi đặt ứng dụng Be giao đến địa chỉ mà “Bánh Bèo” đã gửi. Túi đặt túi xách gói hàng bên trong có chứa ma túy tại vị trí nền nhà (mặt ngoài phòng ngủ của Võ Thị T5 là bạn ở chung). Khi ông Phạm Thanh B là tài xế B1 đến và gọi điện thoại cho T4, T4 đang trong nhà vệ sinh nên nhờ Trần Thị Ngọc H đem túi hàng xuống và giao cho ông B.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, ông B giao hàng đến số A T thì gọi T3 nhận hàng, T3 kêu ông B chạy đến 139/15/7 Tân Sơn N1 và T3 cùng P nhận ma túy rồi T3 chuyển khoản 100.000 đồng trả tiền giao hàng vào tài khoản số 0901306716 của ông B mở tại Ngân hàng V1. Khi vào trong nhà, P mở hộp giấy lấy ma túy gồm nửa hộp 5 ma túy khay và 02 viên thuốc lắc, cùng T3 đi thẳng

lên phòng số 1, P chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy gồm đĩa sứ màu trắng, hộp quẹt, tờ tiền cuộn thành ống hút, thẻ nhựa, mở nhạc bằng máy tính và loa. Đồng thời, N và T1 cũng đi vào phòng của T3, P “nấu” rồi cả nhuỷễn ma túy, đặt đĩa sứ có ma túy xuống dưới nệm. Sau đó, P dùng tờ tiền cuộn tròn đưa vào mũi và hít ma túy vào cơ thể, rồi đưa cho T1 sử dụng ma túy khay và 02 viên thuốc lắc, T3 và N chỉ ngồi nói chuyện và không sử dụng ma túy. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, P và T3 ở lại phòng ngủ, N và T1 bỏ về phòng của N ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 10 giờ ngày 26/4/2025, T1 bỏ lên sân thượng hút thuốc.

Đến 10 giờ ngày 26/4/2025, Công an phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện Trần Thị Ái N, Bùi Thị Ngọc T3 và Danh Duy P có biển hiện nghi vấn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên tiến hành mời về trụ sở làm việc. Riêng, T1 đứng trên sân thượng thấy lực lượng Công an kiểm tra hành chính nên không đi xuống, đến khi lực lượng Công an đi hết thì T1 lên bỏ trốn.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Bùi Thị Ngọc T3, Trần Thị Ái N, Danh Duy P, Nguyễn Trung T1, Lê Thị T4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Qua xét nghiệm, N và T3 âm tính với ma túy còn P dương tính với ma túy tổng hợp (Ketamine).

Ngày 26/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khám xét khẩn cấp phòng số 01 lầu 1 nhà số A T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ của Danh Duy P gồm: 01 đĩa sứ đường kính 20,5cm màu trắng (m1), 01 thẻ ATM T6 màu đen (m2), 01 túi nylon (dạng túi zip màu đen) kích thước 4,2 x 6,2cm (m3) và nhiều đồ vật khác.

Kết luận giám định số 5863/KL-KTHS ngày 03/5/2025 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận các vật chứng thu giữ của Danh Duy P:

- Gói 01: Chất được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định khối lượng, không tìm thấy ma túy.
- Gói 02: Chất được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định khối lượng, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.
- Gói 03: Chất được ký hiệu mẫu m3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) không xác định khối lượng, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.

Ngày 29/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H khám xét khẩn cấp căn hộ D.15.02 chung cư W, thị trấn T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ của Lê Thị T4 gồm: 01 gói nilong bên trong chứa tinh thể (nghi là ma túy, m1), 01 gói nilong bên trong chứa 08 viên nén (nghi là ma túy, m2) và nhiều đồ vật khác.

Kết luận giám định số 6180/KL-KTHS ngày 06/5/2025 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận các vật chứng thu giữ của Lê Thị T4:

- Gói 01: Tinh thể được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2420g, loại Ketamine.

- Gói 02: Các viên nén được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 3,0254g, loại MDMA, Ketamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 287/2025/HS-ST ngày 01/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Ái N mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt đối với các bị cáo Bùi Thị Ngọc T3, Danh Duy P, Nguyễn Trung T1 và Lê Thị T4, tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2025, bị cáo Trần Thị Ái N có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đề nghị Tòa tuyên bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Ái N thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Trần Thị Ái N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết gia đình có công với cách mạng, nhưng mức án 07 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thị T2 bào chữa cho bị cáo:

Luật sư cho rằng mức án 07 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ việc bị cáo nhấn tin rủ bị cáo T3 sử dụng ma túy là do bị cáo T1 nhờ bị cáo nhấn, chứ bị cáo không chủ động rủ; nơi ở của bị cáo là chung cư thuê chung có nhiều người ở và bị cáo chỉ là người đứng tên trên hợp đồng thuê; khi T3 nhờ bị cáo chuyển tiền thì bị cáo không biết là tiền gì và bị cáo không hưởng lợi gì từ việc chuyển tiền mua ma túy, mà số tiền 400.000 đồng là tiền mà bị cáo T1 cho bị cáo để mua sữa cho con; bị cáo không chủ động, bàn bạc, phân công nên cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có vai trò chủ mưu là không phù hợp; khi bị bắt thì bị cáo không sử dụng ma túy; do không am hiểu pháp luật nên bị cáo không đọc lại bản khai tại Cơ quan điều tra

nhưng ký tên, tuy nhiên bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, là lao động chính trong gia đình phải lo cho mẹ già và con nhỏ; ông nội của bị cáo được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên phạt mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa bổ sung, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo không đọc lại biên bản ghi lời khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Luật sư: Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để được hưởng mức án dưới khung hình phạt.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ái N về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Ái N thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, nhưng khai nại rằng việc bị cáo khai báo tại Cơ quan điều tra là do Điều tra viên hướng dẫn khai, bị cáo không đọc lại lời khai là không có căn cứ, bởi lẽ tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo Trần Thị Ái N tại Cơ quan điều tra (Bút lục 310-315), bị cáo đều tự ký biên bản xác nhận lời khai là đúng và lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai của những người làm chứng, Kết luận giám định, dữ liệu trích xuất camera, dữ liệu tin nhắn trao đổi, sao kê tài khoản

ngân hàng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Trần Thị Ái N là người đứng tên trên hợp đồng thuê căn nhà số A T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 5 giờ ngày 25/4/2025, bị cáo N đã có hành vi chủ động rủ các bị cáo Danh Duy P, Bùi Thị Ngọc T3 và Nguyễn Trung T1 cùng sử dụng trái phép chất ma túy thì các bị cáo này đồng ý. Để có ma túy sử dụng, bị cáo N đã nhắn tin cho bị cáo T3 để hỏi chỗ mua ma túy, sau đó hùn tiền với các bị cáo P, T3, T1 và trực tiếp chuyển số tiền 3.100.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của đối tượng “Bánh Bèo” để đặt mua nửa hộp 5 ma túy khay và 02 viên thuốc lắc. Sau khi các bị cáo T3 và P nhận ma túy từ “Bánh Bèo”, bị cáo N đã cung cấp địa điểm là căn nhà mà bị cáo đứng tên thuê để cho các bị cáo P và T1 sử dụng trái phép chất ma túy.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Ái N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược độc hại, đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người nghiện hút, do đó Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm khắc với những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết gia đình của bị cáo có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ái N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị Ái N là người khởi xướng việc sử dụng trái phép chất ma túy. Khi bị cáo T1 qua nhà của bị cáo thì bị cáo đã chủ động nhắn tin rủ bị cáo T3 sử dụng ma túy với nội dung “*có chơi xì ke không*”, khi bị cáo T3 đồng ý thì bị cáo tiếp tục nhắn tin nói bị cáo T3 rủ bị cáo P cùng sử dụng ma túy và thống nhất hùn tiền với các bị cáo khác để mua ma túy. Bị cáo còn là người trực tiếp dùng tài khoản số 0911500366 mở tại ngân hàng M2 tên Trần Thị Ái N để chuyển khoản đến tài khoản số 29254197 tên Lê Ngọc M mở tại Ngân hàng A cho đối tượng “Bánh Bèo” để mua ma túy, cung cấp địa điểm là căn nhà số A T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh mà bị cáo đứng tên thuê và chứng kiến các bị cáo P và T1 sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo cung cấp tình tiết ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên việc Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về việc đề nghị xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ái N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 287/2025/HSST ngày 01/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ái N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Trần Thị Ái N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 9; (1)
- TAND Khu vực 9; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 9; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang